

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / 01/2026 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		TỔNG THU NSNN	THU NSDP
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	2.727.000	2.488.776
I	Thu nội địa	2.700.000	2.488.776
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý	1.080.000	1.080.000
-	Thuế GTGT hàng sản xuất - kinh doanh trong nước	310.000	310.000
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng sản xuất - kinh doanh trong nước	5.000	5.000
-	Thuế tài nguyên	765.000	765.000
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	8.000	8.000
-	Thuế GTGT hàng sản xuất - kinh doanh trong nước	3.900	3.900
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng sản xuất - kinh doanh trong nước	4.000	4.000
-	Thuế tài nguyên	100	100
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	7.000	7.000
-	Thuế Giá trị gia tăng	4.000	4.000
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.000	3.000
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	877.000	877.000
-	Thuế GTGT hàng sản xuất - kinh doanh trong nước	450.000	450.000
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng sản xuất - kinh doanh trong nước		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.000	32.000
-	Thuế tài nguyên	395.000	395.000
5	Thuế thu nhập cá nhân	63.000	63.000
6	Thuế bảo vệ môi trường	75.000	45.000
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước	75.000	45.000
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu		
7	Lệ phí trước bạ	70.000	70.000
8	Thu phí, lệ phí	38.900	33.900
-	Phí và lệ phí trung ương	5.000	
-	Phí và lệ phí địa phương	21.132	21.132
-	Phí và lệ phí xã, phường	12.768	12.768
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	200	200
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	14.600	12.410
12	Thu tiền sử dụng đất	190.000	161.496
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	25.500	25.500
-	Thuế Giá trị gia tăng	10.000	10.000
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	600	600
-	Thu từ thu nhập sau thuế	1.000	1.000

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		TỔNG THU NSNN	THU NSDP
-	<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>13.900</i>	<i>13.900</i>
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	180.000	72.900
16	Thu khác ngân sách	70.000	31.570
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	300	300
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	500	500
II	Thu từ dầu thô		
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	27.000	
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	26.445	
2	Thuế xuất khẩu		
3	Thuế nhập khẩu	531	
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu		
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu		
6	Thu khác	24	
IV	Thu viện trợ		